ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1361/QĐ-UBND	*Giồng Trôm, ngày 31 tháng 3 năm 2016*

UBND XÃ MỸ THẠNH
ĐẾN Số: 585
Ngày: 02-6-2016
Chuyển: Lâm
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm
(giai đoạn đến năm 2025)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Bộ tiêu chí nông thôn mới";

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về việc quy định việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

Căn cứ quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bến Tre;

Xét Tờ trình số 361/TTr-BQL ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Ban quản lý xây dựng quy hoạch nông thôn mới và quy hoạch đô thị huyện về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Thạnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm (giai đoạn đến năm 2025) với những nội dung chính như sau:

1. Vị trí và quy mô quy hoạch

a) Ranh giới, quy mô diện tích

Xã Mỹ Thạnh giáp ranh với Thành phố Bến Tre, là cửa ngõ phía Tây của huyện Giồng trôm, xã có giáp giới như sau:

- Phía Đông giáp với xã Lương Hòa và xã Lương Phú;
- Phía Tây giáp với Thành phố Bến Tre;
- Phía Nam giáp xã Thuận Điền;
- Phía Bắc giáp với xã Phong Nẫm;

Diện tích đất tự nhiên toàn xã là 730,28 ha.

b) Quy mô và cơ cấu dân số, lao động

Đến năm 2020 dân số toàn xã là 10.850 người, năm 2025 là 12.000 người.

Lao động toàn xã năm 2020 là 6.293 người, năm 2025 là 7.200. Đến 2025 lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm khoảng 18%.

2. Mục tiêu, nội dung, yêu cầu của đồ án

Xây dựng xã Mỹ Thạnh đến cuối năm 2020 hoàn thành đạt 19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

Thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 49 triệu đồng/người/năm.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới còn dưới 3%.

Tỷ lệ phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt và vượt chỉ tiêu.

Tỷ lệ lao động có việc làm trên 90%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 20%.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề đạt trên 80%.

Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia về chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; đạt trên 70% hộ dân tham gia các loại hình Bảo hiểm y tế, xây dựng Trạm y tế đạt chuẩn của Bộ y tế.

Phát triển, nâng cấp hệ thống hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, phát triển lưới điện hạ thế. Duy trì hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt trên 100%.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó số hộ sử dụng nước máy 85%. Đảm bảo trên địa bàn xã không có hoạt động sản xuất gây suy giảm môi trường, chăn nuôi không gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện tốt các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp.

3. Tiền đề, quy mô quy hoạch

a) Quy mô dân số, lao động

Đến năm 2020 dân số toàn xã là 10.850 người, năm 2025 là 12.000 người.

Cơ cấu lao động:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	2025
Dân số số toàn xã	Người	10.850	12.000
Dân số trong độ tuổi lao động	Người	6.293	7.200
- Chiếm tỷ lệ/Dân số toàn xã	*%*	*58,00*	*60,00*
Số người tham gia lao động	Người	6.209	7.104
Tỷ lệ lao động nông nghiệp	%	20	17

b) Quy mô, nhu cầu đất xây dựng

Đất dự kiến quy hoạch xây dựng:

Loại đất	Đvt	Năm 2020	Năm 2025
Đất công cộng	Ha	20,17	20,17
Đất ở (dân cư phân tán)	"	38,25	35,00
Đất các điểm dân cư + đô thị	"	43,08	61,64
Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	"	1,15	1,15
Đất tiểu thủ công nghiệp, phục vụ sản xuất	"	10,30	11,4
Tổng cộng		**112,29**	**129,36**

Đến năm 2020 nhu cầu đất quy hoạch xây dựng khoảng 112,29 ha, năm 2025 khoảng 129,36 ha.

4. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2014 (ha)	Cơ cấu (%)	Các Kỳ kế hoạch			
					Kỳ đầu, đến năm 2020		Kỳ cuối, đến năm 2025	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			**730,28**	**100,00**	**730,28**	**100,00**	**730,28**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**554,07**	**75,87**	**517,16**	**71,00**	**498,08**	**68,20**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4,80	0,66	-	-	-	-
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*4,80*	*0,66*	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,90	0,67	1,96	-	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	543,51	74,42	514,34	70,00	497,22	68,09
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,86	0,12	0,86	-	0,86	0,12
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**176,21**	**24,13**	**213,12**	**29,00**	**232,20**	**31,80**
2.1	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	10,30	1,00	11,60	1,59
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-	-	6,49	1,00	10,49	1,44
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,22	0,58	1,71	-	1,71	0,23
2.4	Đất phát triển hạ tầng	DHT	24,38	3,34	26,99	4,00	30,01	4,11
2.5	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-	-	0,40	-	0,40	0,05
2.6	Đất ở tại nông thôn	ONT	44,57	6,10	39,50	5,00	37,50	5,14
2.7	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	21,73	3,00	34,75	4,76
2.8	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,51	0,07	-	-	-	-

2.9	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,52	0,48	3,52	-	3,52	0,48
2.10	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,72	0,24	1,72	-	1,72	0,24
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	4,12	0,56	3,05	-	2,79	0,38
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	0,30	-	0,30	0,04
2.14	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	4,24	1,00	4,24	0,58
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,06	0,01	0,06	-	0,06	0,01
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	93,11	12,75	93,11	13,00	93,11	12,75
3	**Đất đô thị ***	**KDT**	-	-	**41,01**	**6,00**	**57,49**	**7,87**

b) Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đến năm 2025

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**55,99**
1.1	Đất trồng lúa	DLN/PNN	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	1,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	54,03
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		**7,74**
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hàng năm	LUC/HNK	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN	4,80
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây lâu năm	HNK/CLN	2,94

5. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian quy hoạch

a) Cơ cấu phân khu chức năng, không gian tổng thể toàn xã

Không gian tổng thể toàn xã gồm các khu chức năng chính sau:

- Khu vực các vùng sản xuất nông nghiệp;
- Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ;
- Khu vực dân cư và nhà ở;
- Hệ thống các công trình công cộng xã và công cộng đô thị;
- Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp:

Phát triển kế thừa sản xuất nông nghiệp tại địa phương trên nền sản xuất hiện hữu, đến năm 2025 sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng dừa phân tán trên khắp địa bàn của xã; cây ăn trái phát triển trồng xen canh trong các vườn dừa và phát triển các mô hình liên kết sản xuất hình thành vùng chuyên canh tại một số ấp Nghĩa Huấn 28 ha, ấp Bến Đò 40 ha, ấp Cái Chốt 30 ha, ấp Cái Tắc 33 ha, với các loại cây chủ lực như: bưởi da xanh, cam, quýt đường, chanh,....

Chăn nuôi chủ yếu tập trung phát triển phân tán theo quy mô hộ gia đình, gia trại, trang trại.

Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ:

Định hướng quy hoạch cho khu vực này bao gồm: Bố trí tập trung nhằm khai thác lợi thế đường tỉnh 885 và mặt tiền sông Giồng Trôm; các cơ sở phân

tán theo dân cư tại các khu vực dân cư tập trung, các khu vực dân cư theo thổ canh.

Khu vực dân cư và nhà ở:

Định hướng phân bố dân cư: Hệ thống dân cư chủ yếu gồm hai dạng:

- Dân cư phân tán thành phần lao động chính là sản xuất nông nghiệp.
- Dân cư tập trung dân cư với ngành nghề lao động phi nông nghiệp.

b) Hệ thống trung tâm ấp

Hệ thống trung tâm ấp gồm trụ sở ấp kết hợp nhà văn hóa ấp (khoảng 500m^2), sân thể thao ấp (2.000m^2) được bố trí tại những vị trí thuận lợi.

- Trung tâm ấp Cái Tắc: Mở rộng tại trường tiểu học cũ của ấp.
- Trung tâm ấp Cái Chốt: Mở rộng tại trụ sở hiện hữu của ấp.
- Trung tâm ấp Nghĩa Huấn: Quy hoạch trên trục đường từ đường tỉnh 885 vào thửa đất số 80.
- Trung tâm ấp Bến Đò: Mở rộng tại Trạm y tế cũ của ấp.
- Trung tâm ấp Chợ: Sử dụng Nhà văn hóa và sân luyện tập chung với trung tâm đơn vị ở trong đô thị Trung tâm xã.
- Trung tâm ấp Căn Cứ: Sử dụng Nhà văn hóa và sân luyện tập chung với trung tâm đơn vị ở trong đô thị Trung tâm xã.

c) Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn

Quy hoạch phát triển điểm dân cư cụ thể như sau:

+***Điểm dân cư số 1:*** Theo quy hoạch đô thị Trung tâm xã Mỹ Thạnh được phê duyệt. Diện tích đất đô thị thuộc xã Mỹ Thạnh là 57,49 ha (diện tích toàn đô thị 90,43 ha), dân số đô thị thuộc xã Mỹ Thạnh là 8.000 người (dân số toàn đô thị 10.000 người).

+***Điểm dân cư số 2:*** được bố trí ở trung ấp Bến Đò; Quy mô dân số tập trung khoảng 500 người, diện tích 4,5 ha.

d) Quy hoạch sản xuất

Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

- Phát triển trồng trọt:

Với lợi thế về vị trí và địa hình, đất đai màu mỡ xã tập trung phát triển chủ lực cây dừa và cây ăn trái xen trong vườn dừa.

Cây dừa: Phát triển rộng khắp trên quy mô toàn xã theo mô hình hộ gia đình, ổn định diện tích đến năm 2020 là 410 ha, tập trung sử dụng các giống dừa có năng suất, giá trị kinh tế cao.

Cây ăn trái: Phát triển các mô hình sản xuất trồng xen trong vườn dừa, tập trung cải tạo các giống cây ăn trái chất lượng cao. Cần tập trung phát triển các mô hình liên kết sản xuất, phát triển vùng chuyên canh với sản lượng tập trung, sản lượng đồng đều đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Phát triển các loại cây chủ lực như: bưởi da xanh, cam, quýt đường, chanh..., với quy mô khoảng 130 ha.

- Phát triển chăn nuôi:

Phát triển với các sản phẩm chăn nuôi phổ biến như: heo, bò, dê, gia cầm.... Đến năm 2025 chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển với đàn bò 40 con, heo 7.000 con, đàn dê 1.000 con, gà, vịt 40.000 con.

Quy hoạch sản xuất phát triển thuỷ sản:

Xã Mỹ Thạnh phát triển hình thức nuôi thuỷ sản nước ngọt xen trong mương vườn như nuôi tôm càng xanh, nuôi cá. Đến năm 2020 diện tích nuôi thủy sản của xã là: tôm 20 ha, cá 16 ha.

Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống:

Tập trung phát triển bền vững các làng nghề truyền thống (kiềm kéo, bánh tráng), cần đẩy mạnh phát triển các mô hình kinh tế hợp tác gắn với phát triển du lịch để tăng nguồn thu nhập.

Tập trung phát triển các ngành nghề chủ lực: xây dựng, chế biến, đồ gỗ, may mặc, vận tải, gia công cơ khí…

Quy hoạch phát triển thương mại, dịch vụ:

Khai thác tốt tiềm năng phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn. Khuyến khích phát triển các cơ sở kinh doanh mua bán đáp ứng tốt nhu cầu giao thương hàng hoá phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

Bên cạnh đó, cần tập trung liên kết của doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm tạo đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là công tác xây dựng thương hiệu cho những sản phẩm tiêu biểu, đặc trưng của địa phương. Cần tập trung xây dựng chuỗi dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, kết nối các đầu mối cung cấp giống, vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp.

6. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông:

Đường tỉnh ĐT885, ĐT.DK.02 được quy hoạch với mặt đường 7m, nền đường 9m, lộ giới 32m. Đoạn đường trong khu đô thị được quy hoạch theo quy hoạch giao thông của đô thị.

Đường xã: ĐX.01, ĐX.05 được quy hoạch là đường xã, cấp kỹ thuật A, với bề rộng mặt đường 3,5m, nền đường 6,5m, lộ giới 14m.

Đường xã: ĐX.02, ĐX.03, ĐX.04 được quy hoạch là đường xã, cấp kỹ thuật B, với bề rộng mặt đường 3,5m, nền đường 5m, lộ giới 11m.

Đường ấp: ĐA.01, ĐA.02, ĐA.03, ĐA.04, ĐA.05, ĐA.06, ĐA.07, ĐA.08 được quy hoạch là đường ấp, cấp kỹ thuật C, với bề rộng mặt đường 3m, nền đường 4m.

- Quy hoạch san nền:

Cao độ xây dựng: h ≥ +2,3m (cao độ quốc gia).

Mực nước tính toán: +1,60m.

- Hệ thống cấp điện:

Nguồn cấp chính từ đường dây trung thế 22KV đi dọc theo đường ĐT885, ĐT.DK.05 và các tuyến đường chính cấp cho các điểm dân cư. Cải tạo và nâng cấp 7,9 km lưới trung thế và 8.093 KVA trạm biến áp để phục vụ cho nhân dân.

Phát triển với các sản phẩm chăn nuôi phổ biến như: heo, bò, dê, gia cầm.... Đến năm 2025 chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển với đàn bò 40 con, heo 7.000 con, đàn dê 1.000 con, gà, vịt 40.000 con.

Quy hoạch sản xuất phát triển thuỷ sản:

Xã Mỹ Thạnh phát triển hình thức nuôi thuỷ sản nước ngọt xen trong mương vườn như nuôi tôm càng xanh, nuôi cá. Đến năm 2020 diện tích nuôi thủy sản của xã là: tôm 20 ha, cá 16 ha.

Quy hoạch sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống:

Tập trung phát triển bền vững các làng nghề truyền thống (kiềm kéo, bánh tráng), cần đẩy mạnh phát triển các mô hình kinh tế hợp tác gắn với phát triển du lịch để tăng nguồn thu nhập.

Tập trung phát triển các ngành nghề chủ lực: xây dựng, chế biến, đồ gỗ, may mặc, vận tải, gia công cơ khí…

Quy hoạch phát triển thương mại, dịch vụ:

Khai thác tốt tiềm năng phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn. Khuyến khích phát triển các cơ sở kinh doanh mua bán đáp ứng tốt nhu cầu giao thương hàng hoá phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

Bên cạnh đó, cần tập trung liên kết của doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nhằm tạo đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là công tác xây dựng thương hiệu cho những sản phẩm tiêu biểu, đặc trưng của địa phương. Cần tập trung xây dựng chuỗi dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, kết nối các đầu mối cung cấp giống, vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp.

6. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông:

Đường tỉnh ĐT885, ĐT.DK.02 được quy hoạch với mặt đường 7m, nền đường 9m, lộ giới 32m. Đoạn đường trong khu đô thị được quy hoạch theo quy hoạch giao thông của đô thị.

Đường xã: ĐX.01, ĐX.05 được quy hoạch là đường xã, cấp kỹ thuật A, với bề rộng mặt đường 3,5m, nền đường 6,5m, lộ giới 14m.

Đường xã: ĐX.02, ĐX.03, ĐX.04 được quy hoạch là đường xã, cấp kỹ thuật B, với bề rộng mặt đường 3,5m, nền đường 5m, lộ giới 11m.

Đường ấp: ĐA.01, ĐA.02, ĐA.03, ĐA.04, ĐA.05, ĐA.06, ĐA.07, ĐA.08 được quy hoạch là đường ấp, cấp kỹ thuật C, với bề rộng mặt đường 3m, nền đường 4m.

- Quy hoạch san nền:

Cao độ xây dựng: h ≥ +2,3m (cao độ quốc gia).

Mực nước tính toán: +1,60m.

- Hệ thống cấp điện:

Nguồn cấp chính từ đường dây trung thế 22KV đi dọc theo đường ĐT885, ĐT.DK.05 và các tuyến đường chính cấp cho các điểm dân cư. Cải tạo và nâng cấp 7,9 km lưới trung thế và 8.093 KVA trạm biến áp để phục vụ cho nhân dân.

- Hệ thống cấp nước:

Nguồn nước chính được cung cấp từ Nhà máy nước Lương Quới đang cung cấp cho các hộ dân. Bên cạnh đó tiếp tục vận động hộ dân tự xây dựng các mô hình nước sạch tại gia đình như xây hồ, dụng cụ trữ nước mưa phục vụ ăn uống và sinh hoạt.

- Quản lý chất thải rắn:

Phân loại rác thải tại nguồn, mỗi hộ gia đình phân loại rác như: rác hữu cơ (lá cây, vỏ hoa, quả...) có thể đào hố chôn, ủ làm phân hữu cơ, nơi có hố chôn rác phải các xa nhà ở tránh ô nhiễm môi trường. Rác vô cơ (bọc ni lông, chay nhựa,...) đem đốt tiêu hủy. Đối với các khu trung tâm, đông dân cư sẽ được thu gom và đổ vào khu vực quy định. Sẽ sử dụng điểm tập kết rác tập trung của đô thị trung tâm để trung chuyển rác.

- Thoát nước:

Nước mưa: Tận dụng địa hình và độ dốc tự nhiên để thoát nước mưa xuống các kênh, rạch.

Thoát nước sinh hoạt: Ống thoát nước được bố trí cập đường giao thông nơi có điểm dân cư tập trung. Khu vực dân thưa nước sinh hoạt xử lý qua bể tự hoại tận dụng thoát ra mương, sông, rạch, ao, hồ lân cận.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

a) Hệ thống hạ tầng xã hội

Nâng cấp hệ thống các trường học đạt chuẩn quốc gia, cải tạo những hạng mục đã xuống cấp.

Cải tạo, xây dựng mới các trung tâm văn hóa ấp.

b) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Trước mắt xây dựng và nâng cấp các tuyến đường chưa hoàn chỉnh để đạt theo quy hoạch: ĐX 01, ĐX 02, ĐX 03, ĐX 04, ĐX 05; Đầu tư nâng cấp đường ấp ĐA 01, ĐA 05.

Đầu tư xây dựng, cải tạo tuyến cấp nước chính.

Đầu tư nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật ngành điện.

Điều 2. Giao cho Ban quản lý quy hoạch nông thôn mới và quy hoạch đô thị huyện huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh tiến hành tổ chức công bố, công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân, người dân trong xã biết để thực hiện sau 30 ngày kể từ ngày phê duyệt.

Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh tổ chức quản lý xây dựng theo đúng quy hoạch. Vận động, tuyên truyền trong nhân dân hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch.

Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư theo quy hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Mỹ Thạnh và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
-Như Điều 3;
-TT.HU, TT.HĐND huyện;
-CT, các PCT.UBND huyện;
-PTH, NCKT;
-Lưu: VT, TCKH, 10b.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Bé Sáu